

THỜI GIAN TỰ SỰ TRONG TRUYỆN NGẮN *A CHRISTMAS CAROL* CỦA CHARLES DICKENS

Trần Thị Dạ Thảo, Nguyễn Thành Tín
Trường Đại học Quy Nhơn

Tóm tắt: Bài nghiên cứu này phân tích yếu tố thời gian tự sự trong truyện ngắn *A Christmas Carol* của nhà văn Charles Dickens, dựa trên khung lý thuyết của Genette (1983). Nghiên cứu phân tích ba phạm trù chính trong mô hình thời gian tự sự của Genette là trật tự, thời lượng và tần suất để làm rõ cách Dickens tổ chức và điều chỉnh thời gian nhằm phục vụ mục đích nghệ thuật và tư tưởng thông qua truyện ngắn. Qua việc phân tích các hình thức như hồi tưởng, tiên đoán, lược khuyết, tổng kết, phân cảnh, gián đoạn và các dạng tần suất kể chuyện, bài viết chỉ ra rằng thời gian trong tác phẩm không chỉ là công cụ kể chuyện mà còn là phương tiện biểu đạt cảm xúc, khắc họa tính cách nhân vật và truyền tải thông điệp đạo đức sâu sắc. Thông qua nghiên cứu này, nhóm tác giả hy vọng góp phần vào việc mở rộng hướng tiếp cận văn học tự sự từ góc nhìn thời gian học, đồng thời gợi mở khả năng so sánh cảm thức thời gian trong *A Christmas Carol* với các tác phẩm khác hoặc khai thác thêm yếu tố không gian tự sự trong cùng tác phẩm.

Từ khóa: *A Christmas Carol*, Charles Dickens, Genette, thời gian tự sự, văn học.

Nhận bài ngày 15.9.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.11.2025

Liên hệ tác giả: Trần Thị Dạ Thảo; email: tranthidathao@qnu.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nghiên cứu văn học hiện đại, việc khảo sát các yếu tố nghệ thuật, tiêu biểu như thời gian, không chỉ giúp làm sáng tỏ cấu trúc tự sự mà còn mở ra những chiều sâu mới trong việc tiếp cận tư tưởng và cảm thức thẩm mỹ của tác phẩm. Đã có những nghiên cứu khai thác yếu tố thời gian trong văn học như Đỗ Văn Hiểu (2008), Ahmadian và Jorfí (2015), Bùi Thanh Thảo (2016), v.v. Đặc biệt, trong các tác phẩm văn học mang yếu tố kỳ ảo hoặc siêu nhiên, thời gian thường được sắp xếp hoặc mô tả với những quy luật phi truyền thống, từ đó tạo nên những trải nghiệm thẩm mỹ độc đáo, góp phần định hình hành trình phát triển tâm lý của nhân vật. Trên nền tảng đó, bài báo này chọn truyện ngắn *A Christmas Carol* của Charles Dickens như một trường hợp điển hình để khảo sát cảm thức về thời gian trong văn học tự sự.

Charles Dickens (1812–1870) là một trong những cây bút vĩ đại nhất của văn học Anh, nổi bật với khả năng phản ánh hiện thực xã hội và khắc họa tâm lý nhân vật một cách sâu sắc. *A Christmas Carol*, xuất bản lần đầu năm 1843, là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, không chỉ bởi thông điệp nhân văn sâu sắc mà còn bởi cấu trúc tự sự độc đáo, kết hợp giữa hiện thực và kỳ ảo. Tác phẩm kể về hành trình chuyển hóa của Ebenezer Scrooge – một lão già keo kiệt – thông qua những chuyến du hành thời gian cùng ba hồn ma tượng trưng cho Quá khứ, Hiện tại và Tương lai. Chính sự vận động linh hoạt của thời gian trong tác phẩm đã góp phần quan trọng vào việc kiến tạo chiều sâu tâm lý nhân vật và truyền tải thông điệp đạo đức.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu tiếp cận *A Christmas Carol* từ các góc độ như đạo đức học (Sousa, 2014; Boyo, 2014), khía cạnh xã hội (Chandra, 2022), hay phân tích nhân vật (Darshan, 2023), nhưng việc khảo sát cảm thức thời gian như một hệ thống biểu đạt thẩm

mỹ và tư tưởng vẫn còn tương đối hạn chế. Khoảng trống này mở ra cơ hội để tiếp cận tác phẩm dưới một lăng kính mới, qua đó làm rõ vai trò của yếu tố này trong việc tổ chức cấu trúc tự sự và phát triển chủ đề trung tâm của truyện.

Bài báo này gồm năm phần chính: mở đầu bằng việc giới thiệu lý do thực hiện nghiên cứu; sau đó, các tác giả sẽ trình bày cơ sở lý thuyết và các khái niệm liên quan đến thời gian trong văn học và các phương pháp phân tích thời gian trong việc kể chuyện; ở phần thứ ba, các tác giả đề cập đến phương pháp nghiên cứu được sử dụng để thực hiện bài nghiên cứu này; trong phần thứ tư, chúng tôi phân tích cấu trúc thời gian phi tuyến tính và vai trò của các “chuyến du hành thời gian” trong việc phát triển nhân vật; cuối cùng, phần kết luận tổng hợp những phát hiện chính và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm thời gian tự sự

Trong tự sự học hiện đại, thời gian tự sự không chỉ đơn thuần là dòng chảy tuyến tính của các sự kiện, mà là một yếu tố cấu trúc quan trọng, phản ánh cách kể chuyện và cách người đọc tiếp nhận mạch câu chuyện. Theo Scheffel và cộng sự (2013), thời gian là “*một yếu tố phạm trù cơ bản của kinh nghiệm con người*” [1, tr. 1]. Genette (1983) là một trong những học giả có ảnh hưởng lớn trong việc hệ thống hóa thời gian tự sự. Ông phân biệt giữa hai khái niệm cơ bản: thời gian câu chuyện (story time) và thời gian lời kể (narrative time). Trong đó, thời gian câu chuyện là trình tự xảy ra các sự kiện trong thế giới câu chuyện, còn thời gian lời kể là cách mà câu chuyện đó được trình bày trong văn bản, gồm trật tự, thời lượng và tần suất [2, tr. 33]. Việc hình thành hai khái niệm này được Genette (1983) gọi là “*hiện tượng không đồng bộ giữa thời gian câu chuyện và thời gian lời kể*” (anisochrony) [2, tr. 86].

2.2. Các loại hình thời gian tự sự

Thời gian tự sự đã được nghiên cứu dựa trên nhiều góc độ lý thuyết khác nhau. Bảng 1 sau đây đề cập đến một số loại hình trong một vài nghiên cứu tiêu biểu được lược trích từ nghiên cứu của Ahmadian và Jorfi (2015) [3, tr. 217]:

Bảng 1. Một số nghiên cứu điển hình về thời gian tự sự

Nhà nghiên cứu	Mô hình thời gian tự sự	Đặc điểm chính
Shklovsky, Tomashevsky	fabula / sjuzet	phân biệt giữa “ <i>câu chuyện</i> ” (fabula – trình tự sự kiện theo thời gian tự nhiên) và “ <i>lời kể</i> ” (sjuzet – cách sắp xếp sự kiện trong văn bản).
Paul Ricoeur	thời gian lịch sử – thời gian kể chuyện	nhấn mạnh mối quan hệ giữa trải nghiệm thời gian của con người và khả năng kể chuyện. Ông xem tự sự là phương tiện để con người hiểu và tổ chức thời gian.
Mieke Bal	thời gian truyện – thời gian văn bản – thời gian đọc	phân biệt ba cấp độ thời gian: thời gian trong thế giới truyện, thời gian trong cấu trúc văn bản, và thời gian tiếp nhận của người đọc.
Gérard Genette	Trật tự – thời lượng – tần suất	mô hình ba trục phân tích thời gian tự sự: trật tự (order), thời lượng (duration), và tần suất (frequency). Đây là lý thuyết có ảnh hưởng sâu rộng nhất.
David Herman	thời gian như trải nghiệm nhận thức	tiếp cận thời gian từ góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, nhấn mạnh cách người đọc kiến tạo thời gian qua việc xử lý thông tin kể chuyện.

Trong các mô hình kể trên, nhóm tác giả chọn mô hình của Genette (1983) để phân

tích thời gian tự sự trong nghiên cứu này. Vì thế phần bên dưới đây sẽ đề cập chi tiết mô hình thời gian tự sự của Genette (1983).

2.3. Thời gian tự sự theo quan điểm Genette (1983)

Như đã đề cập trong Bảng 1, Genette (1983) đề cập đến ba phạm trù chính khi phân tích thời gian tự sự: trật tự – thời lượng – tần suất [3, tr. 33-160] (Các thuật ngữ trong khung lý thuyết của Genette xuất hiện bên dưới được nhóm tác giả chuyển ngữ).

2.3.1. Trật tự

Trật tự đề cập đến sự sắp xếp các sự kiện trong văn bản so với trình tự thời gian tự nhiên của chúng. Genette (1983) gọi sự lệch chuẩn này là “*sự sai lệch thời gian*” (anachrony), bao gồm hai hình thức chính: *sự hồi tưởng* (analepsis) và *tiên đoán* (prolepsis). Tuy nhiên, phân tích sâu hơn cho thấy mỗi sự sai lệch thời gian có hai thuộc tính quan trọng:

- *Tâm với* (Reach): Khoảng cách thời gian giữa điểm xuất phát của sự sai lệch thời gian và “*tự sự đầu tiên*” (first narrative).

- *Phạm vi* (Extent): Độ dài thời gian mà sự sai lệch thời gian bao phủ.

Đặc biệt, Genette (1983) nhấn mạnh tính phân cấp của sự sai lệch thời gian: một sự hồi tưởng có thể chứa đựng tiên đoán bên trong, tạo thành cấu trúc lồng ghép.

2.3.2. Thời lượng

Thời lượng phân tích mối tương quan giữa thời lượng sự kiện trong câu chuyện và không gian văn bản dành để kể về nó. Genette (1983) chia thành năm hình thức không đồng bộ giữa thời gian câu chuyện và thời gian lời kể:

- *Lược khuyết* (Ellipsis) ($ST > 0; DT = 0$): Lược thuật hoàn toàn một sự kiện.

- *Tổng kết* (Summary) ($ST > DT$): Tóm tắt sự kiện dài thành đoạn văn ngắn.

- *Phân cảnh* (Scene) ($ST \approx DT$): Thuật ngữ chi tiết, thường qua đối thoại.

- *Gián đoạn* (Pause) ($ST = 0; DT > 0$): Tạm dừng dòng sự kiện để mô tả/bình luận.

- *Kéo dài* (Stretch) ($ST < DT$): Kéo dài thời gian kể, như hiệu ứng slow-motion.

2.3.3. Tần suất

Phạm trù tần suất khảo sát mối quan hệ giữa số lần sự kiện xảy ra trong câu chuyện và số lần được kể lại. Genette (1983) đã phân thành ba loại:

- *Đơn lẻ* (Singulative) (1S:1D): Sự kiện xảy ra/kể đúng một lần.

- *Lặp lại* (Repetitive) (1S:nD): Một sự kiện được kể nhiều lần.

- *Nhắc lại* (Iterative) (nS:1D): Nhiều sự kiện tương tự được kể một lần.

Các ký hiệu xuất hiện ở mục 2.3.2 và 2.3.3 được trình bày trong Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Ký hiệu trong khung lý thuyết của Genette (1983)

Ký hiệu	Ý nghĩa	Giải thích
S	Thời gian truyện	Thời gian truyện là thời gian diễn ra các sự kiện trong thế giới hư cấu
D	Thời gian lời kể	Thời gian lời kể là thời gian mà người kể dùng để kể lại các sự kiện đó trong văn bản
T		Dùng để chỉ thời gian nói chung hoặc thời gian tuyến tính trong các mô hình khác.
n	Số lần	Dùng để biểu thị số lần một sự kiện xảy ra hoặc được kể lại

Trong nghiên cứu của Ahmadian và Jorfi (2015) về truyện ngắn “A rose for Emily”, các loại hình thời lượng và tần suất trên được ví dụ như sau [3, tr. 218-223]:

a. *Thời lượng*:

- Lược khuyết ($ST > 0; DT = 0$):

“He would never divulge what happened during that interview, but he refused to go back again.”¹

(Cuộc gặp giữa mục sư và Miss Emily đã xảy ra, nhưng không có chi tiết nào được kể lại.)

- Tổng kết (ST > DT):

“February came, and there was no reply. They wrote her a formal letter, asking her to call at the sheriff’s office at her convenience. A week later the mayor wrote her himself, offering to call or to send his car for her, and received in reply a note on paper of an archaic shape, in a thin, flowing calligraphy in faded ink, to the effect that she no longer went out at all. The tax notice was also enclosed, without comment.”²

(Một tuần trôi qua trong truyện, nhưng chỉ mất vài dòng để kể lại.)

- Phân cảnh (ST ≈ DT):

“I have no taxes in Jefferson. Colonel Sartoris explained it to me. Perhaps one of you can gain access to the city records and satisfy yourselves.” “But we have. We are the city authorities, Miss Emily. Didn’t you get a notice from the sheriff, signed by him?” “I received a paper, yes,” Miss Emily said. “Perhaps he considers himself the sheriff. . . I have no taxes in Jefferson.” “But there is nothing on the books to show that, you see We must go by the--” “See Colonel Sartoris. I have no taxes in Jefferson.” “But, Miss Emily--” “See Colonel Sartoris.” (Colonel Sartoris had been dead almost ten years.) “I have no taxes in Jefferson. Tobe! The Negro appeared. “Show these gentlemen out”³

(Đoạn đối thoại giữa Miss Emily và các viên chức thuế diễn ra gần như đồng thời với thời gian đọc.)

- Gián đoạn (ST = 0; DT > 0):

It was a big, squarish frame house that had once been white, decorated with cupolas and spires and scrolled balconies in the heavily lightsome style of the seventies, set on what had once been our most select street.⁴

(Mô tả ngôi nhà của Miss Emily, không có hành động nào xảy ra, chỉ là mô tả tĩnh.)

- Kéo dài (ST < DT):

The man himself lay in the bed. For a long while we just stood there, looking down at the profound and fleshless grin.⁵

(Hành động nhìn chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, nhưng được kéo dài trong lời kể)

b. *Tân suất:*

¹ Ông giữ kín hoàn toàn những gì xảy ra trong cuộc gặp hôm ấy, và cương quyết không bao giờ đặt chân đến nơi đó lần thứ hai. (Tạm dịch)

² Tháng Hai trôi qua, vẫn không có hồi âm. Họ gửi cho cô một bức thư trang trọng, yêu cầu cô đến văn phòng quận trưởng vào lúc nào thuận tiện. Một tuần sau, thị trưởng đích thân viết cho cô, ngờ ý sẽ đến gặp hoặc cho xe đến đón. Đáp lại, ông nhận được một bức thư viết trên loại giấy có hình dáng cổ xưa, với nét chữ nhỏ, mềm mại, mực đã phai nhạt, thông báo rằng cô không còn ra khỏi nhà nữa. Kèm theo là thông báo thuế, không một lời bình. (Tạm dịch)

³ “Tôi không có thuế má gì ở Jefferson cả. Đại tá Sartoris đã giải thích rõ điều đó với tôi. Có lẽ một trong các ông có thể tra cứu hồ sơ ở tòa thị chính để tự kiểm chứng.” “Nhưng chúng tôi đã làm điều đó rồi. Chúng tôi là chính quyền thành phố, thưa cô Emily. Cô không nhận được giấy báo thuế có chữ ký của ông quận trưởng sao?” “Tôi có nhận được một tờ giấy, đúng vậy,” cô Emily nói. “Có lẽ ông ta tự cho mình là quận trưởng... Nhưng tôi không có thuế má gì ở Jefferson cả.” “Nhưng hồ sơ không ghi gì về việc đó, cô thấy đấy. Chúng tôi buộc phải tuân theo...” “Hãy gặp đại tá Sartoris. Tôi không có thuế ở Jefferson.” “Nhưng, thưa cô Emily—” “Cứ gặp đại tá Sartoris.” (Đại tá Sartoris đã qua đời gần mười năm trước.) “Tôi không có thuế má gì phải đóng ở đây. Tobe!” Người đàn ông da đen xuất hiện. “Mời các ông ra ngoài.” (Tạm dịch)

⁴ Đó là một ngôi nhà gỗ lớn, hình vuông vức, từng được sơn trắng, với những mái vòm, tháp nhọn và ban công uốn lượn trang trí cầu kỳ theo phong cách thanh thoát quá đà của thập niên bảy mươi, tọa lạc trên con phố từng là sang trọng bậc nhất của chúng tôi. (Tạm dịch)

⁵ Chính người đàn ông ấy đang nằm trên giường. Chúng tôi chỉ đứng đó rất lâu, lặng lẽ cúi nhìn nụ cười rộng đến rợn người, sâu hoắm và không còn lấy một chút da thịt. (Tạm dịch)

- Đơn lẻ (1S:1D):

*Like when she bought the rat poison, the arsenic. That was over a year after they had begun to say "Poor Emily," and while the two female cousins were visiting her.*⁶

(Mô tả việc Miss Emily mua thuốc độc, sự kiện này xảy ra một lần và được kể một lần)

- Lặp lại (1S:nD):

*When we next saw Miss Emily, she had grown fat and her hair was turning gray. During the next few years it grew grayer and grayer until it attained an even pepper-and-salt iron-gray, when it ceased turning. Up to the day of her death at seventy-four it was still that vigorous iron-gray, like the hair of an active man.*⁷

*She died in one of the downstairs rooms, in a heavy walnut bed with a curtain, her gray head propped on a pillow yellow and moldy with age and lack of sunlight.*⁸

*One of us lifted something from it, and leaning forward, that faint and invisible dust dry and acrid in the nostrils, we saw a long strand of iron- gray hair.*⁹

(Hình ảnh mái tóc bạc của Miss Emily được lặp ba lần)

- Nhắc lại (nS:1D):

*Presently we began to see him and Miss Emily on Sunday afternoons driving in the yellow-wheeled buggy and the matched team of bays from the livery stable.*¹⁰

(Hành động đi dạo chiều Chủ nhật lặp lại nhiều lần nhưng được kể một lần)

Tóm lại, phần cơ sở lý thuyết đã cung cấp những khái niệm cơ bản về thời gian tự sự, bên cạnh đó còn tập trung vào những đặc điểm cụ thể trong mô hình về thời gian của Genette (1983).

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả áp dụng phương pháp nghiên cứu mô tả định tính nhằm khám phá các chiều kích ý nghĩa của thời gian tự sự trong truyện ngắn *A Christmas Carol*. Phương pháp này cho phép phân tích sâu sắc cách thức mà các yếu tố tự sự được tổ chức và diễn giải trong văn bản, từ đó làm sáng tỏ những tầng nghĩa biểu tượng mà tác giả muốn truyền tải.

Thêm vào đó, nghiên cứu dựa trên khung lý thuyết về thời gian tự sự của Genette (1980) để có thể được phân tích thông qua ba khía cạnh chính: trật tự, thời lượng và tần suất. Việc áp dụng mô hình này giúp làm rõ cách Dickens sử dụng thời gian mang tính tượng trưng để nhấn mạnh sự chuyển biến của nhân vật chính cũng như thông điệp đạo đức của tác phẩm.

2.5. Phân tích

2.5.1. Phạm trù trật tự trong *A Christmas Carol*

Như đã đề cập về phạm trù trật tự trong khung lý thuyết của Genette (1983), trước tiên chúng tôi quan tâm đến việc xác định các thành tố chứa trong nó như tự sự đầu tiên, sự hồi tưởng, tiên đoán, tầm với và phạm vi trong truyện ngắn.

⁶ Như cái lần cô đi mua thuốc chuột, chất arsen. Chuyện đó xảy ra hơn một năm sau khi người ta bắt đầu thốt lên: “Tội nghiệp Emily,” và cũng đúng vào lúc hai người chị họ của cô đến thăm. (Tạm dịch)

⁷ Khi chúng tôi gặp lại cô Emily, cô đã béo lên, và mái tóc bắt đầu bạc. Trong những năm tiếp theo, tóc cô ngày càng bạc hơn, cho đến khi chuyển hẳn sang màu muối tiêu pha sắc xám sắt đều đặn – rồi dừng lại ở đó. Cho đến tận ngày cô qua đời ở tuổi bảy mươi tư, mái tóc ấy vẫn giữ nguyên gam màu xám sắt mạnh mẽ, như tóc của một người đàn ông còn sung sức. (Tạm dịch)

⁸ Cô mất trong một căn phòng dưới nhà, trên chiếc giường nặng nề bằng gỗ hồ đào, có màn che, đầu tóc xám tựa trên chiếc gối đã ố vàng, mốc meo vì tuổi tác và thiếu ánh mặt trời. (Tạm dịch)

⁹ Một người trong chúng tôi nhặt lên vật gì đó từ chiếc gối, và khi chúng tôi cúi sát xuống, lớp bụi khô, vô hình, hăng hắc phảng phất trong mũi, thì chúng tôi thấy – một sợi tóc dài, màu xám sắt. (Tạm dịch)

¹⁰ Chẳng bao lâu, vào những chiều Chủ nhật, chúng tôi bắt đầu thấy hẳn và cô Emily ngồi trên chiếc xe ngựa mui trần bánh sơn vàng, kéo bởi một cặp ngựa hồng giống nhau, thuê từ trại ngựa trong thị trấn. (Tạm dịch)

Lời tự sự đầu tiên bắt đầu ngay ở chương thứ nhất của truyện, với lời kể chuyện theo kiểu toàn tri “*Marley was dead: to begin with*”¹¹. Lời tự sự đầu tiên này như là điểm khởi đầu của mạch chính câu truyện, để rồi từ đó nhân vật Scrooge, bối cảnh xã hội và các tình tiết khác trong câu chuyện được giới thiệu.

Đối với yếu tố hồi tưởng, dưới vỏ bọc của những chuyến du hành thời gian với Hồn ma Giáng sinh Quá khứ, tác giả Dickens đưa người đọc cùng với Scrooge trở về những miền ký ức thời thơ ấu và trai trẻ. Scrooge có một tuổi thơ bị bỏ rơi và cô đơn:

*“A solitary child, neglected by his friends, is left there still”*¹²

Và một tuổi trẻ đầy tham vọng và coi trọng tiền bạc đến mức phải chia tay với người yêu:

Another idol has displaced me; and if it can cheer and comfort you in time to come, as I would have tried to do, I have no just cause to grieve.”

*“What Idol has displaced you?” he rejoined. “A golden one.”*¹³

Chính những sự hồi tưởng này giúp người đọc hình dung được căn nguyên của sự lạnh lùng, ích kỷ của Scrooge hiện tại. Đồng thời, việc đối diện với quá khứ là bước đầu trong hành trình thức tỉnh tính cách của ông.

Yếu tố tiên đoán được thể hiện thông qua hành trình cùng Hồn ma Tương lai. Hành trình này cho ông thấy trước những gì ông phải chịu nếu ông không thay đổi, và đó là một lời cảnh báo về đạo đức. Yếu tố tiên đoán và hậu quả của nó đặt nhân vật này vào tình thế phải lựa chọn: tiếp tục sống ích kỷ và chết cô độc hay là thay đổi để tự cứu lấy chính mình. Trong truyện, Hồn ma Giáng sinh Tương lai cho Scrooge thấy cảnh tang lễ lạnh lẽo và ngôi mộ của chính ông:

*“Before I draw nearer to that stone to which you point, said Scrooge, ‘answer me one question.”*¹⁴

*“Scrooge crept towards it, trembling as he went; and following the finger, read upon the stone of the neglected grave his own name, EBENEZER SCROOGE.”*¹⁵

*“The finger pointed from the grave to him, and back again”*¹⁶

Ở yếu tố này, có lẽ còn gửi gắm một thông điệp cho thấy tương lai không cố định, nó có thể thay đổi nếu con người biết hối cải.

Các yếu tố tâm với và phạm vi thể hiện trong truyện tương đối rộng, ở một khoảng cách xa. Ví dụ, tầm với so với tự sự đầu tiên cách nhau hai khoảng về quá khứ và về tương lai, sau đó lại quay về thực tại; phạm vi bao trùm nhiều giai đoạn đời sống của Scrooge từ thời thơ ấu đến lúc ông chết đi vì già.

2.5.2. Phạm trù thời lượng trong *A Christmas Carol*

Về phạm trù thời lượng, các hình thức lược khuyết, tổng kết, phân cảnh, gián đoạn và kéo dài có thể được nhìn từ câu truyện như sau.

Hình thức lược khuyết là bỏ qua hoàn toàn và không kể lại một phần thời gian truyện. Dickens đã bỏ qua các chi tiết không cần thiết về đời sống thường nhật của Scrooge (ST>0; DT=0) để tập trung thiêu truyện vào đêm Giáng sinh định mệnh, là tinh thần của sự

¹¹ Ông già Marley đã chết. Chết thật rồi. (Bản dịch Bài ca mừng Giáng sinh, Đinh Tị Books, Dạ Thảo dịch). Từ đây các chú thích sẽ lấy từ bản dịch này.

¹² “Ồ trường vẫn còn một cậu bé bị bỏ lại. Nó cô độc vì các bạn không ai chơi với nó.”

¹³ “Một thần tượng khác sẽ thế vào chỗ của em. Và nếu mai này nó có thể mang lại niềm vui cho anh như em hẳn sẽ làm thì em chẳng còn lý do gì để buồn cả.” “Thần tượng nào thay thế được em chứ?” anh cãi. “Một thần tượng bằng vàng.”

¹⁴ “Trước khi tôi lại gần tấm bia mộ,” lão Scrooge nói, “cho tôi hỏi một câu.

¹⁵ Lão Scrooge rón rén đi tới, vẫn run rẩy. Lần theo ngón tay, lão nhìn thấy tên mình trên tấm bia của nấm mồ nằm chơ vơ không một ai ngó ngang, EBENEZER SCROOGE.

¹⁶ Ngón tay chuyển từ hướng nấm mồ sang lão rồi quay trở lại.

chuyển hóa phẩm chất đạo đức trong nhân vật. Có thể nói, đây là chiến lược dùng để “nén” thời gian của câu chuyện, tránh làm cho truyện trở nên dài dòng mà chỉ tập trung vào các chi tiết chính nhằm tăng hiệu quả tự sự và sự kịch tính trong truyện.

Hình thức tổng kết cho thấy thời gian của mạch truyện sẽ lớn hơn thời gian của lời kể, do đó $ST > DT$, và điều này được thể hiện một cách rõ ràng ở cuối truyện khi Dickens kể về sự chuyển hóa của lão Scrooge chỉ sau một đêm Giáng sinh:

*“He became as good a friend, as good a master, and as good a man, as the good old city knew...”*¹⁷

Hình thức này là một sự tăng tốc cho thấy gần như ngay lập tức quá trình chuyển hóa hoàn toàn của Scrooge, điều này cho độc giả thấy cảm giác viên mãn đối với một cái kết có hậu cũng như giảm đi các chi tiết tự sự không cần thiết và chỉ tập trung vào kết quả của quá trình đạo đức.

Với hình thức phân cảnh ($ST \approx DT$), nó tạo cảm giác trực tiếp, sống động với người đọc vì thời gian kể gần bằng thời gian diễn ra mạch truyện. Đoạn hội thoại sau là một trong số cách diễn đạt hình thức này:

*“‘Who are you?’ asked Scrooge. ‘I am the Ghost of Christmas Past.’ ‘Long Past?’ ‘No. Your past.’”*¹⁸

Trong truyện, hầu như các đoạn đối thoại giữa Scrooge và các hồn ma đều không bị rút gọn, giúp người đọc cảm nhận được tiến trình thay đổi tâm lý của nhân vật theo thời gian thực.

Hình thức gián đoạn cho thấy mạch truyện bị tạm dừng để mô tả chi tiết hoặc bình luận ($ST=0; DT>0$). Chúng ta có thể bắt gặp điều này ở cảnh miêu tả bữa ăn Giáng sinh của gia đình Scratchit, đây là một khoảnh khắc tĩnh, nơi Dickens dừng lại để diễn tả sự âm áp, hạnh phúc giản dị. Đây cũng chính là điểm đối lập với sự lạnh lẽo trong cuộc sống của Scrooge:

*“There never was such a goose. Bob said he didn’t believe there ever was such a goose cooked... the tenderness and flavour... universal admiration.”*¹⁹

Hình thức kéo dài không được tìm thấy trong mạch truyện.

2.5.3. Phạm trù tần suất trong *A Christmas Carol*

Như đã nêu ở trên, phạm trù tần suất chỉ ra mối quan hệ giữa số lần một sự kiện xảy ra trong thế giới truyện và số lần nó được kể lại trong mạch truyện đó. Ba hình thức đơn lẻ, lặp lại và nhắc lại thuộc phạm trù sẽ được phân tích trong phần này.

Nếu sự kiện xảy ra được kể đúng một lần thì đó là hình thức đơn lẻ (1S:1D). Trong truyện, khoảnh khắc Scrooge thức tỉnh sau đêm Giáng sinh và quyết định thay đổi bản thân là một sự kiện duy nhất và mang tính bước ngoặt. Dickens chỉ kể lại một lần duy nhất để nhấn mạnh tính quyết định và không thể đảo ngược của hành động này. Đây là điểm kết thúc của hành trình thay đổi và là đỉnh cao đạo đức của truyện:

*“I will honour Christmas in my heart, and try to keep it all the year.”*²⁰

Hình thức nhắc lại (1S:nD) là khi một sự kiện duy nhất được kể lại nhiều lần từ các góc nhìn khác nhau. Có thể thấy rằng sự keo kiệt của lão Scrooge, một đặc điểm tính cách, được Dickens khắc họa qua lời kể của nhiều nhân vật khác nhau, từ người kể chuyện đến cháu Fred và các đồng nghiệp.

Người kể chuyện đã miêu tả lão Scrooge như sau:

¹⁷ Lão trở thành người bạn tốt, một ông chủ tốt và một người tốt như bao người trên khắp các vùng miền

¹⁸ “Người là ai? Là thứ gì?” lão Scrooge gằn giọng. “Tôi là Hồn ma của Giáng sinh Quá khứ.” “Là từ thời xa xưa hay sao?” lão Scrooge hỏi và nhìn lom lom vóc dáng thấp lè tè của Hồn ma. “Không. Là hồi xưa của ông.”

¹⁹ Một con ngỗng ngon nhất trần đời. Bob nói anh không thể tin lại có một con ngỗng được nấu ngon đến vậy. Thịt mềm và thơm, to nhưng rẻ, cả nhà ai cũng xuýt xoa tấm tắc.

²⁰ “Tôi sẽ coi trọng lễ Giáng sinh.

“Oh! But he was a tight-fisted hand at the grindstone, Scrooge! A squeezing, wrenching, grasping, scraping, clutching, covetous old sinner!”²¹

Cháu Fred (trong tiệc) đã mỉa mai sự giàu có mà không hạnh phúc của Scrooge:

“His wealth is of no use to him. He doesn't do any good with it. He doesn't make himself comfortable with it.”²²

Nhân viên ở văn phòng miêu tả Scrooge tiết kiệm đến mức không cho nhân viên đủ than để sưởi:

“Scrooge had a very small fire, but the clerk's fire was so very much smaller that it looked like one coal.”²³

Người quyên góp từ thiện nhận câu trả lời lạnh lùng, vô cảm của Scrooge trước lời kêu gọi giúp người nghèo:

“At this festive season of the year, Mr. Scrooge,” said the gentleman, taking up a pen, “it is more than usually desirable that we should make some slight provision for the Poor and destitute, who suffer greatly at the present time. Many thousands are in want of common necessities; hundreds of thousands are in want of common comforts, sir.”²⁴

Và Scrooge trả lời: *“Are there no prisons? Are there no workhouses?”²⁵*

Sự keo kiệt và vô cảm của Scrooge được lặp lại nhiều lần qua lời kể của các nhân vật khác nhau. Điều này tạo nên một hiệu ứng cộng hưởng, khắc sâu hình ảnh tiêu cực của ông trong tâm trí người đọc. Hình thức nhắc lại đã giúp Dickens nhấn mạnh tính cách cố hữu của Scrooge, đồng thời tạo tiền đề cho sự thay đổi sau này trở nên ấn tượng hơn.

Khi một hành vi hoặc sự kiện xảy ra nhiều lần nhưng chỉ được kể một lần như thể nó xảy ra một lần trong mạch truyện thì đó là hình thức nhắc lại. Hình thức nhắc lại được thể hiện qua ba chi tiết trong truyện. Ở phần mở đầu của câu truyện, hành vi từ chối Giáng sinh hằng năm của Scrooge được kể bằng một lời khẳng định chung. Lão thường xuyên khước từ tinh thần Giáng sinh bằng một câu cửa miệng, trở thành thói quen hàng năm được kể tóm lược:

“If I could work my will,” said Scrooge indignantly, “every idiot who goes about with ‘Merry Christmas’ on his lips, should be boiled with his own pudding, and buried with a stake of holly through his heart. He should!”²⁶

Câu nói cay độc này phản ánh thái độ nhất quán, lặp đi lặp lại của Scrooge đối với lễ Giáng sinh, ông không chỉ ghét mà còn khinh bỉ những ai chúc mừng nó. Chi tiết thứ hai thể hiện hình thức này là sự xuất hiện của câu cửa miệng quen thuộc của Scrooge mỗi dịp lễ *“Bah! Humbug!”* Câu nói kinh điển này thể hiện sự bác bỏ Giáng sinh như một “trò lừa”, cho thấy thái độ thường xuyên, mang tính hệ thống qua các năm. Chi tiết thứ ba thể hiện hình thức này là thông qua nhận định của người kể:

Scrooge never painted out Old Marley's name. There it stood, years afterwards, above the warehouse door: Scrooge and Marley.²⁷

Scrooge was not a man to be frightened by echoes.²⁸

²¹ “Ôi trời cái lão Scrooge ấy, phải nói là keo kiệt bủn xỉn vô đối! Cứ gọi là vắt cổ chày ra nước!”

²² “Giàu có chẳng mang lại ích lợi gì cho bác ấy. Bác ấy chẳng làm được việc gì tốt đẹp bằng của cải của mình. Bác ấy cũng chẳng dám hưởng thụ...”

²³ Lò sưởi của lão Scrooge đã nhỏ, lò sưởi của viên thư ký còn nhỏ hơn rất rất nhiều, nhìn không lớn hơn một hòn than là bao.

²⁴ “Ông Scrooge ạ, hàng năm cứ vào mùa lễ hội này,” một ông nói và rút bút ra, “hơn bao giờ hết, chúng ta nên mở rộng lòng mình trao tặng chút gì đó cho những người bần hàn và nghèo túng, những người đang phải sống khổ cùng cực. Hàng ngàn người đang thiếu nhu yếu phẩm, hàng trăm ngàn người đang cần chia sẻ từ chúng ta, ông ạ.”

²⁵ “Không có nhà tù sao?” “Còn mấy cái trại tể bản thì thế nào?”

²⁶ Nếu tao mà làm được ấy,” lão Scrooge sừng sộ, “thì tao cho cả đám ngốc chúc tao “Giáng sinh vui vẻ” ấy vào nồi nấu chín cùng với cái bánh pudding của chúng rồi xiên vào tim mỗi tên một cây cọc ô rô trước khi đem đi chôn. Thế mới đáng!”

²⁷ Lão Scrooge không xóa tên ông già Marley trên biển cửa hàng. Nhiều năm sau tên ông già vẫn còn nguyên đó, bên trên cửa hàng: Scrooge và Marley.

²⁸ Lão Scrooge không thuộc dạng người sợ tiếng vọng.

Dù không trực tiếp nói về việc từ chối Giáng sinh, nhưng cụm “*years afterwards*”²⁹ và tính cách “*không bị lay động*” cho thấy hành vi lặp lại, không thay đổi theo thời gian.

2.5.4. Tổng kết vai trò nghệ thuật của các phạm trù thời gian tự sự ứng với câu truyện

Từ những phân tích ở trên, vai trò nghệ thuật của các phạm trù trong khung lý thuyết của Genette (1983) ứng với truyện ngắn *A Christmas Carol* được trình bày trong Bảng 3 bên dưới.

Bảng 3. Vai trò nghệ thuật của các phạm trù thời gian tự sự

Hình thức	Vai trò nghệ thuật
Sự hồi tưởng	Gợi cảm xúc, lý giải sự hình thành tính cách Scrooge
Tiên đoán	Cảnh báo đạo đức, tạo cao trào chuyển hóa trong tính cách Scrooge
Lược khuyết	Tập trung vào sự kiện chính, tăng tính kịch tính cho câu truyện
Tổng kết	Tăng tốc độ kể, nhấn mạnh kết quả đạo đức trong quá trình chuyển hóa đạo đức của Scrooge
Phân cảnh	Tái hiện trực tiếp quá trình chuyển hóa nội tâm Scrooge
Gián đoạn	Tạo khoảng lặng cảm xúc, làm nổi bật chủ đề nhân văn
Kéo dài	Kéo dài cao trào, tạo hiệu ứng tâm lý mạnh mẽ

5. KẾT LUẬN

Thông qua việc vận dụng khung lý thuyết thời gian tự sự của Genette (1983), bài nghiên cứu đã làm sáng tỏ cách thức Charles Dickens tổ chức và điều chỉnh thời gian trong truyện ngắn *A Christmas Carol* nhằm phục vụ cho mục đích nghệ thuật và tư tưởng. Ba phạm trù chính: *trật tự*, *thời lượng* và *tân suất*, không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là phương tiện biểu đạt cảm xúc, khắc họa tính cách và truyền tải thông điệp đạo đức sâu sắc.

Ở phạm trù *trật tự*, sự kết hợp giữa hồi tưởng và tiên đoán đã tạo nên một cấu trúc thời gian phi tuyến tính, cho phép người đọc đồng hành cùng nhân vật Scrooge trong hành trình xuyên qua các chiều thời gian. Những chuyến du hành cùng ba hồn ma không chỉ là phương tiện kể chuyện mà còn là biểu tượng cho quá trình tự nhận thức và thức tỉnh đạo đức của nhân vật.

Về thời lượng, Dickens đã sử dụng linh hoạt các hình thức như lược khuyết, tổng kết, phân cảnh và gián đoạn để điều chỉnh nhịp độ kể chuyện, tạo nên sự cân bằng giữa mô tả chi tiết và tóm lược, giữa hành động và suy tư. Điều này giúp tăng tính kịch tính, tạo khoảng lặng cảm xúc và làm nổi bật các khoảnh khắc chuyển hóa quan trọng trong truyện.

Ở phạm trù *tân suất*, việc lặp lại các đặc điểm tính cách của Scrooge từ nhiều góc nhìn khác nhau đã tạo nên hiệu ứng cộng hưởng, khắc sâu hình ảnh nhân vật trong tâm trí người đọc. Đồng thời, việc kể các sự kiện tuy xảy ra thường xuyên nhưng chỉ được kể tóm lược một lần trong mạch truyện đã cho thấy tính cách cố hữu và sự bảo thủ của nhân vật, một yếu tố quan trọng để làm nổi bật sự thay đổi về sau.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng thời gian trong *A Christmas Carol* không chỉ là bối cảnh hay công cụ kể chuyện, mà còn là một hệ thống biểu đạt thẩm mỹ và tư tưởng. Dickens đã sử dụng thời gian như một chất liệu nghệ thuật để kiến tạo chiều sâu tâm lý nhân vật, xây dựng cấu trúc tự sự độc đáo và truyền tải thông điệp nhân văn về sự hối cải, lòng nhân ái và khả năng thay đổi của con người.

Trong tương lai, hướng nghiên cứu có thể mở rộng sang việc so sánh cảm thức thời gian trong *A Christmas Carol* với các tác phẩm khác cùng thời hoặc trong văn học hiện đại, nhằm làm rõ hơn sự tiến hóa của thời gian tự sự trong văn học phương Tây, hoặc có thể phân tích vấn đề về không gian tự sự trong chính câu truyện này.

²⁹ Nhiều năm sau

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Scheffel M., Weixler A., Werner L. (2013), Time. In P. Hühn, J. C. Meister, J. Pier, & W. Schmid (Eds.), *The living handbook of narratology*, Hamburg University.
2. Genette G. (1983), *Narrative discourse: An essay in method* (J. E. Lewin, Trans.), Cornell University Press.
3. Ahmadian M., Jorfi L. (2015), A narratological study and analysis of: The concept of time in William Faulkner's "A Rose for Emily", *Advances in Language and Literary Studies*, 6(3), 215–224.
4. Dickens C. (2020), *A Christmas Carol*, CreateSpace Independent Publishing Platform, California.
5. Dickens C. (2024), *Bài Ca Mừng Giáng Sinh* (Dạ Thảo dịch), Nxb Đinh Tị, Hồ Chí Minh.

**NARRATIVE TIME IN THE SHORT STORY *A CHRISTMAS CAROL*
WRITTEN BY CHARLES DICKENS**

Abstract: *This study focuses on exploring the element of narrative time in the short story "A Christmas Carol" by Charles Dickens, based on Genette's (1983) theoretical framework. The research examines the three main categories in Genette's model of narrative time: order, duration, and frequency, to clarify how Dickens organizes and manipulates time to serve artistic and ideological purposes in the short story. By analyzing narrative techniques such as analepsis, prolepsis, ellipsis, summary, scene, pause, and various frequency patterns, the paper demonstrates that time in the work is not merely a storytelling device but also a means of expressing emotion, shaping character, and conveying profound moral messages. Through this study, the authors aim to contribute to the expansion of narrative literary approaches from a temporal perspective, while also opening up possibilities for comparing the sense of time in *A Christmas Carol* with other works or further exploring the element of narrative space within the same story.*

Keywords: *A Christmas Carol, Charles Dickens, Genette, Narrative time, literature.*